

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/9/2020  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Trí;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Châu Thị Hoài Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 342/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- NgU đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A, đường B, Tổ C, Khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Cao TH, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A, đường B, Tổ C, Khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, ngU đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Cao TH kết hôn năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn bà T và ông TH sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, ông bà có 03 con chung là cháu Nguyễn Trần Thao T1, sinh ngày 16/8/2004; Nguyễn Trần Thao V, sinh ngày 18/8/2009 và Nguyễn Trần Thao U, sinh ngày 14/4/2016; vợ chồng cùng nhau làm ăn lo cho các con. Từ năm 2018 đến nay, bà và ông TH phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau nguyên nhân là do ông TH có người phụ nữ khác. Mặc dù bà T và ông TH vẫn sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm tới nhau. Hiện tình cảm giữa bà T và ông TH không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Cao TH. Bà T yêu cầu được nuôi các cháu Nguyễn Trần Thao T1; Nguyễn Trần Thao V và Nguyễn Trần Thao U; không yêu cầu ông TH cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyen Cao TH: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông TH không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

*Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyen Cao TH đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, bị đơn ông Nguyen Cao TH không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định. Do nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 02/7/2020, bà Trần Thị T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Nguyen Cao TH nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn ông Nguyen Cao TH sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn là ông Nguyen Cao TH nhưng ông TH vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyen Cao TH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 189, quyển số 02, ngày 20/10/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa ông TH và bà T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Bà T trình bày sau khi kết hôn bà và ông TH sống hạnh phúc, vợ chồng cùng nhau làm ăn lo cho các con nhưng từ năm 2018 đến nay phát sinh mâu thuẫn không còn hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên xảy ra cãi nhau nguyên nhân là do ông TH có người phụ nữ khác. Hiện tình cảm giữa bà T và ông TH không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Cao TH. Xét thấy qua xác minh tại nơi bà T và ông TH cư trú thì quá trình sinh sống tại địa phương giữa bà T và ông TH có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là vấn đề kinh tế. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông TH để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông TH không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, điều này chứng tỏ ông TH không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông TH đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Cao TH.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Cao TH có 03 con chung gồm cháu Nguyễn Trần Thao T1, sinh ngày 16/8/2004; Nguyễn Trần Thao V, sinh ngày 18/8/2009 và Nguyễn Trần Thao U, sinh ngày 14/4/2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Xét thấy các cháu là con gái cần có sự chăm sóc, giáo dục của mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành làm việc với cháu T1, cháu V; các cháu đều có nguyện vọng sống cùng với bà T. Do đó giao các cháu Nguyễn Trần Thao T1 Nguyễn Trần Thao V, Nguyễn Trần Thao U cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Cao TH cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Nguyễn Cao TH.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); ông Nguyễn Cao TH không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Nguyễn Cao TH về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Cao TH.

- Về con chung: Bà Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là cháu Nguyễn Trần Thao T1, sinh ngày 16/8/2004; Nguyễn Trần Thao V, sinh ngày 18/8/2009 và Nguyễn Trần Thao U, sinh ngày 14/4/2016.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra do đương sự không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050200 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã T, H. C, T. Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Nga**